

QUY ĐỊNH ỦY QUYỀN CỦA ỦY BAN (EU) 2021/2306**của 21 Tháng Mười 2021**

bổ sung Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu với các quy định về kiểm soát chính thức đối với các lô hàng sản phẩm hữu cơ và các sản phẩm chuyển đổi dự định nhập khẩu vào Liên minh và trên giấy chứng nhận kiểm tra

(Văn bản có liên quan đến EEA)

ỦY BAN CHÂU ÂU,

Liên quan đến Hiệp ước về chức năng của Liên minh châu Âu,

Liên quan đến Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 30 tháng 5 năm 2018 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ⁽¹⁾, và đặc biệt là Điều 38 (8), điểm (a) (ii), Điều 46 (7), điểm (b) và các Điều 48 (4) và 57 (3) của chúng,

Trong khi đó:

- (1) Theo Điều 45 (1) của Quy định (EU) 2018/848, một sản phẩm có thể được nhập khẩu từ một nước thứ ba với mục đích đưa sản phẩm đó ra thị trường trong Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc dưới dạng sản phẩm chuyển đổi, nếu sản phẩm đó tuân thủ các quy tắc của Liên minh về sản xuất hữu cơ hoặc với các quy tắc sản xuất và kiểm soát tương đương của một nước thứ ba như được đề cập trong Điều 48 của Quy định đó được công nhận theo Điều 33 (2) của Quy định Hội đồng (EC) số 834/2007 ⁽²⁾ hoặc đã chịu sự kiểm soát của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát theo quy định tại Điều 57 của Quy định (EU) 2018/848 đã được công nhận theo Điều 33 (3) của Quy định (EC) số 834/2007.
- (2) Để cho phép các cơ quan có thẩm quyền tại các Quốc gia Thành viên kiểm tra sự tuân thủ của các sản phẩm nhập khẩu với Quy định (EU) 2018/848, mỗi lô hàng phải được cấp giấy chứng nhận kiểm tra do cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát tại nước thứ ba cấp sau khi đã thực hiện các xác minh liên quan đến lô hàng. Những xác minh đó phải luôn bao gồm kiểm tra tài liệu và, theo rủi ro, kiểm tra thực tế lô hàng.
- (3) Cần phải đặt ra các quy tắc liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận kiểm định, cách thức cấp và các phương tiện kỹ thuật được sử dụng để cấp. Các quy tắc này cũng nên bao gồm các nghĩa vụ của các cơ quan có thẩm quyền tại các quốc gia thành viên liên quan đến việc trích xuất giấy chứng nhận kiểm tra.
- (4) Các biện pháp kiểm soát chính thức được thực hiện đối với các sản phẩm dự định được đưa vào thị trường Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi để xác minh việc tuân thủ Quy định (EU) 2018/848 là một phần của các biện pháp kiểm soát chính thức được thực hiện theo Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ⁽³⁾.
- (5) Cần đặt ra các quy tắc bổ sung để làm rõ các tiêu chí và điều kiện để thực hiện các biện pháp kiểm soát chính thức trước khi phát hành để lưu thông tự do trong Liên minh các

sản phẩm hữu cơ và các sản phẩm chuyển đổi chịu sự kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới theo Điều 45 (5) của Quy định (EU) 2018/848. Những quy tắc đó cũng nên bao gồm các sản phẩm được miễn kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới theo Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/2305 ⁽⁴⁾.

- (6) Một số quy tắc cụ thể về kiểm soát chính thức liên quan đến các lô hàng được đặt theo thủ tục hải quan đặc biệt nên được đặt ra.
- (7) Ngoài ra, cần quy định nghĩa vụ của các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát cấp giấy chứng nhận kiểm tra trong trường hợp không có Hệ thống chuyên gia và kiểm soát thương mại (TRACES) được đề cập tại Điều 2, điểm (36), của Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/1715 ⁽⁵⁾.
- (8) Hơn nữa, cần đặt ra các quy tắc về các tình huống mà các cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát ở các nước thứ ba được yêu cầu tiến hành điều tra sau khi thông báo về các trường hợp nghi ngờ hoặc được thiết lập không tuân thủ Quy định (EU) 2018/848 được phát hiện trong quá trình xác minh lô hàng của cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia Thành viên.
- (9) Việc sử dụng con dấu điện tử đủ điều kiện trong TRACES để cấp giấy chứng nhận kiểm định ở nước thứ ba và để xác nhận giấy chứng nhận đó và trích xuất chứng chỉ đó bởi các cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia Thành viên có thể không khả thi trước ngày 1 tháng 7 năm 2022. Do đó, cần phải đưa ra các điều khoản chuyển tiếp cho việc sử dụng giấy chứng nhận kiểm định bằng giấy ký tay và trích xuất chúng, để áp dụng cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 thay thế cho việc sử dụng chứng thư kiểm định điện tử và trích xuất chúng, có con dấu điện tử đủ điều kiện.
- (10) Hiện tại, các quy tắc về giấy chứng nhận kiểm định và trích lục giấy chứng nhận kiểm định cho các mục đích của Quy định (EC) số 834/2007 được quy định trong Quy định Ủy ban (EC) số 1235/2008 ⁽⁶⁾. Vì Quy định này và Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/2307 ⁽⁷⁾ đặt ra các quy tắc cho các mục đích của Quy định (EU) 2018/848, Quy định (EC) số 1235/2008 nên được bãi bỏ.
- (11) Vì lợi ích của sự rõ ràng và chắc chắn về mặt pháp lý, Quy định này nên được áp dụng kể từ ngày áp dụng Quy định (EU) 2018/848,

ĐÃ THÔNG QUA QUY ĐỊNH NÀY:

Điều 1

Chủ đề

Quy chế này quy định các quy định về:

- (a) việc xác minh ở nước thứ ba các lô hàng sản phẩm dự định đưa ra thị trường trong Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm chuyển đổi và cấp giấy chứng nhận kiểm tra;
- (b) kiểm soát chính thức đối với các sản phẩm vào Liên minh từ các nước thứ ba dự định được đưa vào thị trường Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm chuyển đổi; và
- (c) hành động trong trường hợp nghi ngờ hoặc được thiết lập không tuân thủ Quy định (EU) 2018/848 được thực hiện bởi các cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát ở các nước thứ ba.

Điều 2

Định nghĩa

Đối với mục đích của Quy định này, các định nghĩa sau đây được áp dụng:

- (1) "lô hàng" có nghĩa là lô hàng, như được định nghĩa tại Điều 3, điểm (37), của Quy định (EU) 2017/625, các sản phẩm dự định được đưa ra thị trường trong Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi; tuy nhiên, trong trường hợp các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm đang chuyển đổi được miễn kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới theo Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2305, điều đó có nghĩa là số lượng sản phẩm theo một hoặc nhiều mã Danh pháp kết hợp, được bao phủ bởi một giấy chứng nhận kiểm tra duy nhất, được vận chuyển bằng cùng một phương tiện vận tải và được nhập khẩu từ cùng một nước thứ ba;
- (2) "Trạm kiểm soát biên giới" có nghĩa là một trạm kiểm soát biên giới theo định nghĩa tại Điều 3, điểm (38), của Quy định (EU) 2017/625;
- (3) "Điểm phát hành để lưu thông tự do" là điểm phát hành để lưu thông tự do, nơi thực hiện các biện pháp kiểm soát chính thức đối với các sản phẩm hữu cơ và đang chuyển đổi được miễn kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới theo Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2305;
- (4) "điểm kiểm soát" có nghĩa là một điểm kiểm soát không phải là trạm kiểm soát biên giới như được đề cập trong Điều 53 (1), điểm (a) của Quy định (EU) 2017/625;
- (5) "Kiểm tra chứng từ" có nghĩa là kiểm tra tài liệu theo định nghĩa tại Điều 3, điểm (41), của Quy định (EU) 2017/625;
- (6) "Kiểm tra danh tính" có nghĩa là kiểm tra danh tính theo định nghĩa tại Điều 3, điểm (42), của Quy định (EU) 2017/625;
- (7) "kiểm tra thực tế" có nghĩa là kiểm tra thực tế theo định nghĩa tại Điều 3, điểm (43) của Quy định (EU) 2017/625;
- (8) "Con dấu điện tử đủ điều kiện" có nghĩa là con dấu điện tử đủ điều kiện theo định nghĩa tại Điều 3, điểm (27), của Quy định (EU) số 910/2014 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ⁽⁸⁾.

Điều 3

Xác minh ở nước thứ ba

1. Cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát có liên quan được công nhận theo Điều 46 của Quy định (EU) 2018/848 sẽ xác minh lô hàng theo Điều 16 của Quy định ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/1698 ⁽⁹⁾.
2. Theo mục đích của Điều 48 và 57 của Quy định (EU) 2018/848, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát có liên quan sẽ xác minh lô hàng liên quan đến việc tuân thủ các yêu cầu được quy định trong Quy định (EC) số 834/2007 và các tiêu chuẩn sản xuất và biện pháp kiểm soát được chấp nhận là tương đương. Việc xác minh đó sẽ bao gồm kiểm tra chứng từ có hệ thống và, khi thích hợp theo đánh giá rủi ro, kiểm tra thực tế, trước khi lô hàng rời khỏi nước thứ ba xuất khẩu hoặc xuất xứ.
3. Đối với các mục đích từ khoản 2 đến khoản 5, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát có liên quan phải là:

(a) cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát theo quy định tại Điều 57 của Quy định (EU) 2018/848 đã được công nhận cho các sản phẩm liên quan và cho nước thứ ba nơi sản phẩm có xuất xứ, hoặc, nếu có, trong đó hoạt động cuối cùng cho mục đích chuẩn bị đã được thực hiện; hoặc

(b) cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát đã được chỉ định bởi cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba được công nhận như được đề cập trong Điều 48 của Quy định (EU) 2018/848 trong đó các sản phẩm có xuất xứ, hoặc, nếu có, trong đó hoạt động cuối cùng cho mục đích chuẩn bị đã được thực hiện.

4. Việc xác minh nêu tại khoản 2 được thực hiện bởi:

(a) cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát của nhà sản xuất hoặc bộ xử lý sản phẩm liên quan; hoặc

(b) trong trường hợp người vận hành hoặc nhóm người vận hành thực hiện hoạt động cuối cùng với mục đích chuẩn bị như được định nghĩa tại Điều 3, điểm (44), của Quy định (EU) 2018/848 khác với nhà sản xuất hoặc bộ xử lý sản phẩm, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát của người vận hành hoặc nhóm người vận hành thực hiện hoạt động cuối cùng nhằm mục đích chuẩn bị.

5. Việc kiểm tra tài liệu nêu tại khoản 2 phải xác minh:

(a) truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nguyên liệu;

(b) rằng khối lượng sản phẩm bao gồm trong lô hàng phù hợp với kiểm tra cân bằng khối lượng của các nhà khai thác tương ứng theo đánh giá được thực hiện bởi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát;

(c) các chứng từ vận chuyển và chứng từ thương mại có liên quan (bao gồm cả hóa đơn) của sản phẩm;

(d) trong trường hợp sản phẩm chế biến, tất cả các thành phần hữu cơ của các sản phẩm đó đã được sản xuất bởi các nhà khai thác hoặc bởi các nhóm nhà khai thác được chứng nhận tại một nước thứ ba bởi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 46 hoặc được đề cập trong Điều 57 của Quy định (EU) 2018/848 hoặc bởi một nước thứ ba được công nhận theo Điều 47 hoặc 48 của Quy định (EU) 2018/848, hoặc đã được sản xuất và chứng nhận tại Liên minh theo Quy chế đó.

Việc kiểm tra tài liệu đó phải dựa trên tất cả các tài liệu liên quan, bao gồm giấy chứng nhận của các nhà khai thác được đề cập trong Điều 45 (1), điểm (b) (i), của Quy định (EU) 2018/848, hồ sơ kiểm tra, kế hoạch sản xuất cho sản phẩm liên quan và hồ sơ được lưu giữ bởi các nhà khai thác hoặc các nhóm nhà khai thác, chứng từ vận chuyển có sẵn, tài liệu thương mại và tài chính và bất kỳ tài liệu nào khác được coi là có liên quan bởi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát.

Điều 4

Cấp giấy chứng nhận kiểm định

1. Cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát đã xác minh lô hàng theo quy định tại Điều 3 phải cấp giấy chứng nhận kiểm tra theo quy định tại Điều 5 cho mỗi lô hàng trước khi lô hàng rời khỏi nước thứ ba xuất khẩu hoặc xuất xứ.

2. Trường hợp cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát đã được công nhận theo Điều 46 của Quy định (EU) 2018/848, cơ quan kiểm soát chỉ cấp giấy chứng nhận kiểm tra đối

với các lô hàng có chứa các sản phẩm có rủi ro cao theo quy định tại Điều 8 của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/1698 khi đã sở hữu đầy đủ tài liệu về truy xuất nguồn gốc và đã nhận và đánh giá kết quả phân tích các mẫu lấy trên lô hàng phù hợp với Điều 16(6) của Quy chế được ủy quyền đó.

Điều 5

Định dạng giấy chứng nhận kiểm định và sử dụng TRACES

1. Cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát cấp trong Hệ thống chuyên gia và kiểm soát thương mại (TRACES) giấy chứng nhận kiểm định phù hợp với mẫu và các ghi chú quy định tại Phụ lục và phải hoàn thành các ô từ 1 đến 18 của Giấy chứng nhận đó.

2. Khi cấp giấy chứng nhận kiểm định, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát phải tải lên TRACES tất cả các tài liệu chứng minh, bao gồm:

- (a) kết quả phân tích hoặc thử nghiệm được thực hiện trên các mẫu được lấy, nếu có;
- (b) các chứng từ thương mại và vận tải như vận đơn, hóa đơn và danh sách bao bì và, trong trường hợp cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát đã được công nhận theo Điều 46 của Quy định (EU) 2018/848, kế hoạch du lịch như được lập theo Điều 16 (5) của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/1698.

3. Giấy chứng nhận kiểm định được cấp trong TRACES và phải có con dấu điện tử đủ điều kiện.

Nếu không có sẵn tại thời điểm cấp, các thông tin liên quan đến số lượng bao bì nêu tại ô 13 của giấy chứng nhận kiểm định và các thông tin nêu tại các ô 16 và 17 của giấy chứng nhận kiểm định, cũng như các tài liệu nêu tại khoản 2, sẽ được đưa vào hoặc cập nhật trong giấy chứng nhận kiểm định trong vòng 10 ngày kể từ ngày cấp và, trong mọi trường hợp, trước khi cơ quan có thẩm quyền xác minh và xác nhận theo Điều 6.

4. Chứng thư kiểm định được lập:

- (a) bằng ngôn ngữ chính thức hoặc bằng một trong các ngôn ngữ chính thức của Quốc gia Thành viên của trạm kiểm soát biên giới nhập cảnh vào Liên minh, trong trường hợp các sản phẩm chịu sự kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới;
- (b) bằng ngôn ngữ chính thức hoặc bằng một trong các ngôn ngữ chính thức của Quốc gia Thành viên nơi lô hàng sẽ được phát hành để lưu thông tự do, trong trường hợp các sản phẩm được miễn kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới theo Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2305.

5. Bằng cách vi phạm khoản 4, một Quốc gia Thành viên có thể đồng ý với các giấy chứng nhận được soạn thảo bằng một ngôn ngữ chính thức khác của Liên minh và kèm theo, nếu cần thiết, bằng một bản dịch được chứng thực.

Điều 6

Kiểm soát chính thức đối với lô hàng

1. Cơ quan có thẩm quyền tại trạm kiểm soát biên giới hoặc tại điểm giải phóng lưu thông tự do, nếu thích hợp, sẽ thực hiện kiểm soát chính thức đối với các lô hàng để xác minh việc tuân thủ Quy định (EU) 2018/848 như sau:

- (a) kiểm tra tài liệu trên tất cả các lô hàng;

- (b) kiểm tra danh tính được thực hiện ngẫu nhiên; và
- (c) kiểm tra thực tế với tần suất tùy thuộc vào khả năng không tuân thủ Quy định (EU) 2018/848.

Kiểm tra tài liệu phải bao gồm việc kiểm tra giấy chứng nhận kiểm định, tất cả các tài liệu hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 5, và, nếu có, kết quả phân tích hoặc thử nghiệm được thực hiện trên các mẫu được lấy.

Trong trường hợp giấy chứng nhận kiểm tra yêu cầu sửa chữa có tính chất văn thư hoặc biên tập thuần túy, cơ quan có thẩm quyền có thể chấp nhận rằng cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát đã cấp giấy chứng nhận kiểm tra cập nhật thông tin trong TRACES bằng cách thay thế tài liệu theo quy trình có sẵn trong TRACES mà không sửa đổi thông tin trong giấy chứng nhận ban đầu liên quan đến việc xác định lô hàng, khả năng truy xuất nguồn gốc và đảm bảo của nó.

2. Đối với các lô hàng sản phẩm có rủi ro cao nêu tại Điều 8 của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/1698, cơ quan có thẩm quyền nêu tại khoản 1 Điều này phải tiến hành kiểm tra thực tế và nhận dạng có hệ thống, lấy ít nhất một mẫu đại diện của lô hàng và kiểm tra các tài liệu nêu tại Điều 16 (6) của Quy định đó. Cơ quan có thẩm quyền phải thiết lập quy trình lấy mẫu đại diện phù hợp với chủng loại, số lượng và bao bì của sản phẩm.

3. Sau khi xác minh theo quy định tại khoản 1 và, nếu có, tại khoản 2, cơ quan có thẩm quyền sẽ đưa ra quyết định đối với từng lô hàng. Quyết định về lô hàng phải được ghi vào ô 30 của Giấy chứng nhận kiểm tra phù hợp với mẫu và các ghi chú trong Phụ lục và ghi rõ một trong các nội dung sau:

- (a) lô hàng có thể được phát hành để lưu thông tự do dưới dạng hữu cơ;
- (b) lô hàng có thể được phát hành để lưu thông tự do dưới dạng chuyển đổi;
- (c) lô hàng có thể được phát hành để lưu thông tự do dưới dạng phi hữu cơ;
- (d) lô hàng không thể được phát hành để lưu thông tự do;
- (e) Một phần của lô hàng có thể được phát hành để lưu thông tự do với trích xuất giấy chứng nhận kiểm tra.

Cơ quan có thẩm quyền sẽ xác nhận giấy chứng nhận kiểm định trong TRACES bằng con dấu điện tử đủ điều kiện.

4. Đối với hàng hóa phải kiểm soát chính thức tại cửa khẩu thì thực hiện như sau:

- (a) khoản 3 sẽ được áp dụng ngoài các quy tắc liên quan đến việc sử dụng Tài liệu nhập cảnh sức khỏe chung (CHED) của các cơ quan có thẩm quyền tại các trạm kiểm soát biên giới theo Điều 56 (3), điểm (b) (i), của Quy định (EU) 2017/625 và tại các điểm kiểm soát theo Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2019/2123 ⁽¹⁰⁾ và với các quy tắc về quyết định về lô hàng được quy định tại Điều 55 của Quy định (EU) 2017/625;
- (b) Kiểm tra tài liệu nêu tại khoản 1, điểm (a), có thể được thực hiện ở khoảng cách từ các trạm kiểm soát biên giới liên quan đến một số sản phẩm hữu cơ và các sản phẩm đang chuyển đổi theo Điều 7 và 8 của Quy định được ủy quyền (EU) 2019/2123;
- (c) Kiểm tra danh tính và kiểm tra thực tế được đề cập trong đoạn 1, điểm (b) và (c), có thể được thực hiện tại các điểm kiểm soát liên quan đến một số sản phẩm hữu cơ và các sản phẩm đang chuyển đổi theo Điều 2 đến 6 của Quy định được ủy quyền (EU) 2019/2123.

5. Quyết định về các lô hàng được thực hiện theo Điều 55 của Quy định (EU) 2017/625 sẽ đề cập đến một trong các chỉ dẫn được đề cập trong đoạn 3, đoạn đầu tiên của Điều này. Trường hợp nhà nhập khẩu đã yêu cầu đặt theo thủ tục hải quan đặc biệt theo Điều 7 (1) của Quy định này, bằng cách điền vào ô 23 của giấy chứng nhận kiểm tra, quyết định về lô hàng theo Điều 55 của Quy định (EU) 2017/625 sẽ chỉ ra thủ tục hải quan áp dụng.

Quyết định được ghi trong giấy chứng nhận kiểm tra cho thấy lô hàng hoặc một phần lô hàng không thể được giải phóng để lưu hành tự do phải được thông báo không chậm trễ trong TRACES cho cơ quan có thẩm quyền có liên quan thực hiện kiểm soát chính thức để xác minh việc tuân thủ các quy tắc nêu tại Điều 1 (2), các điểm (a) đến (h) và (j), của Quy định (EU) 2017/625.

Trong trường hợp quyết định được đưa ra trong CHED theo Điều 55 của Quy định (EU) 2017/625 chỉ ra rằng lô hàng không tuân thủ các quy tắc nêu tại Điều 1 (2) của Quy định đó, cơ quan có thẩm quyền tại trạm kiểm soát biên giới phải thông báo trong TRACES cơ quan có thẩm quyền đã đưa ra quyết định theo khoản 3 của Điều này, để cập nhật giấy chứng nhận kiểm định. Ngoài ra, bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào thực hiện kiểm soát chính thức để xác minh việc tuân thủ các quy tắc được đề cập trong Điều 1 (2), các điểm (a) đến (h) và (j) của Quy định (EU) 2017/625 phải cung cấp trong TRACES bất kỳ thông tin liên quan nào, chẳng hạn như kết quả phân tích trong phòng thí nghiệm, cho cơ quan có thẩm quyền đã đưa ra quyết định theo khoản 3 của Điều này để cập nhật, nếu có liên quan, giấy chứng nhận kiểm định.

6. Trường hợp chỉ giải phóng một phần lô hàng để lưu thông tự do thì lô hàng được chia thành các lô khác nhau trước khi giải phóng để lưu thông tự do. Đối với mỗi lô, nhà nhập khẩu phải hoàn thành và nộp trong TRACES một bản trích lục giấy chứng nhận kiểm tra theo Quy định thực hiện (EU) 2021/2307. Cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên nơi lô hàng dự định được phát hành để lưu hành tự do sẽ thực hiện việc xác minh lô hàng và sẽ xác nhận việc trích xuất giấy chứng nhận kiểm định trong TRACES bằng một con dấu điện tử đủ điều kiện.

7. Đối với các lô hàng chịu sự kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới nêu tại khoản 4, cơ quan hải quan chỉ cho phép giải phóng lô hàng để lưu thông tự do khi xuất trình CHED đã được hoàn thiện hợp lệ theo quy định tại Điều 57 (2), điểm (b) của Quy định (EU) 2017/625 và giấy chứng nhận kiểm tra được xác nhận theo khoản 6 của Điều này cho biết lô hàng có thể được giải phóng để lưu thông tự do.

Trường hợp lô hàng được chia thành các lô khác nhau, cơ quan hải quan sẽ yêu cầu xuất trình CHED đã được hoàn thiện hợp lệ theo Điều 57 (2), điểm (b) của Quy định (EU) 2017/625 và trích xuất giấy chứng nhận kiểm tra theo Quy định thực hiện (EU) 2021/2307 chỉ ra trong hộp 12 rằng lô hàng có thể được phát hành để lưu thông tự do.

Điều 7

Thủ tục hải quan đặc biệt

1. Trường hợp một lô hàng được đặt theo thủ tục nhập kho hoặc xử lý nội bộ theo quy định tại Điều 240 (1) và Điều 256 (3), điểm (b) của Quy định (EU) số 952/2013 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ⁽¹¹⁾, và trải qua một hoặc nhiều lần chuẩn bị như được đề cập trong đoạn thứ hai của khoản này, cơ quan có thẩm quyền phải kiểm tra lô hàng theo quy định tại Điều 6 Quy định này trước khi tiến hành chuẩn bị lần đầu. Số tham chiếu của tờ khai hải quan mà hàng hóa đã được khai báo để lưu kho hải quan hoặc làm thủ tục gia công nội địa được người nhập khẩu ghi rõ tại ô 23 của Giấy chứng nhận kiểm tra.

Việc chuẩn bị nêu tại điểm đầu tiên sẽ được giới hạn trong các loại hoạt động sau:

(a) đóng gói hoặc thay đổi bao bì; hoặc

(b) dán, loại bỏ và thay đổi nhãn liên quan đến việc trình bày phương pháp sản xuất hữu cơ.

2. Sau khi chuẩn bị nêu tại khoản 1, cơ quan có thẩm quyền phải xác minh lô hàng và xác nhận giấy chứng nhận kiểm tra theo quy định tại Điều 6 trước khi giải phóng lô hàng để lưu thông tự do.

3. Trước khi phát hành để lưu thông tự do, một lô hàng có thể được chia thành các lô khác nhau dưới sự giám sát hải quan sau khi xác minh và xác nhận giấy chứng nhận kiểm tra theo quy định tại Điều 6. Nhà nhập khẩu phải hoàn thành và nộp trong TRACES một trích lục giấy chứng nhận kiểm tra theo Quy định thực hiện (EU) 2021/2307 cho mỗi lô phát sinh từ việc chia tách.

4. Cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia Thành viên nơi lô hàng được phát hành để lưu hành tự do sẽ thực hiện việc xác minh lô hàng theo Điều 6(1) và (2), và sẽ xác nhận việc trích xuất giấy chứng nhận kiểm định trong TRACES bằng con dấu điện tử đủ điều kiện.

5. Các hoạt động chuẩn bị và chia tách nêu tại khoản 1 và 3 sẽ được thực hiện theo các quy định liên quan được nêu trong Chương III và IV của Quy định (EU) 2018/848.

Điều 8

Sắp xếp dự phòng cho TRACES trong trường hợp không có sẵn và trong trường hợp bất khả kháng

1. Cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát cấp giấy chứng nhận kiểm định theo Điều 4 phải duy trì sẵn một mẫu có thể điền của giấy chứng nhận đó theo mẫu được nêu trong Phụ lục và của tất cả các tài liệu theo yêu cầu của Quy định (EU) 2018/848 có thể được tải lên trong TRACES.

2. Trong trường hợp TRACES hoặc một trong các chức năng của nó liên tục không khả dụng trong hơn 24 giờ, người dùng có thể sử dụng mẫu in hoặc điện tử có thể điền, như được đề cập trong đoạn 1, để ghi lại và trao đổi thông tin.

Cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát nêu tại khoản 1 phải tham chiếu đến từng chứng chỉ đã cấp và lưu giữ số đăng ký các chứng chỉ đã cấp theo thứ tự thời gian để đảm bảo sự tương ứng với tham chiếu chữ và số do TRACES cung cấp khi nó hoạt động.

Trường hợp sử dụng giấy chứng nhận kiểm định thì việc thay đổi, tẩy xóa không có giấy chứng nhận sẽ làm mất hiệu lực.

3. Khi TRACES hoặc các chức năng của nó có sẵn trở lại, người sử dụng phải sử dụng thông tin được ghi lại theo khoản 2 để xuất trình điện tử giấy chứng nhận kiểm tra và tải lên các tài liệu nêu tại khoản 1.

4. Giấy chứng nhận và tài liệu được xuất trình theo khoản 2 phải có văn bản 'được sản xuất trong thời gian dự phòng'.

5. Trong trường hợp xảy ra *sự kiện bất khả kháng*, các khoản từ 1 đến 4 sẽ được áp dụng. Ngoài ra, các cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát phải thông báo cho Ủy ban ngay lập tức về sự kiện đó và các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát phải đưa tất cả các chi tiết cần thiết vào TRACES trong vòng mười ngày theo lịch sau khi kết thúc sự kiện này.

6. Điều 5(4) và (5) sẽ áp dụng những *sửa đổi thích đáng* đối với các giấy chứng nhận và tài liệu được xuất trình theo khoản 2 Điều này.

Điều 9

Sử dụng giấy chứng nhận kiểm tra và trích lục giấy chứng nhận kiểm tra của cơ quan hải quan

Đối với các sản phẩm chịu sự kiểm soát chính thức tại một điểm giải phóng để lưu thông tự do theo Điều 4 của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2305, cơ quan hải quan chỉ cho phép giải phóng để lưu thông tự do một lô hàng khi xuất trình giấy chứng nhận kiểm tra ghi trong hộp 30 rằng lô hàng có thể được giải phóng để lưu thông tự do.

Trường hợp lô hàng được chia thành các lô khác nhau, cơ quan hải quan yêu cầu xuất trình trích lục giấy chứng nhận kiểm tra theo Quy định thực hiện (EU) 2021/2307 ghi rõ tại ô 12 rằng lô hàng có thể được giải phóng để lưu thông tự do.

Điều 10

Thông tin được cung cấp bởi cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát ở nước thứ ba về các hành vi không tuân thủ nghi ngờ hoặc được thiết lập đối với các lô hàng

1. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát ở nước thứ ba được Ủy ban thông báo, sau khi Ủy ban đã nhận được thông báo từ một Quốc gia Thành viên theo Điều 9 của Quy định Thực hiện (EU) 2021/2307 liên quan đến việc nghi ngờ hoặc thiết lập không tuân thủ ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của các sản phẩm hữu cơ hoặc các sản phẩm đang chuyển đổi trong một lô hàng, nó sẽ tiến hành một cuộc điều tra. Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát phải trả lời Ủy ban và Quốc gia Thành viên đã gửi thông báo ban đầu (thông báo cho Quốc gia Thành viên) trong vòng 30 ngày theo lịch kể từ ngày nhận được thông báo đó và sẽ thông báo về các hành động và biện pháp đã thực hiện, bao gồm kết quả điều tra và cung cấp bất kỳ thông tin sẵn có nào khác và/hoặc theo yêu cầu của Quốc gia Thành viên thông báo, sử dụng mẫu quy định tại Mục X của Phụ lục II Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/279 ⁽¹²⁾.

2. Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát phải cung cấp thêm bất kỳ thông tin nào theo yêu cầu của một Quốc gia Thành viên liên quan đến các hành động hoặc biện pháp bổ sung được thực hiện.

Ủy ban hoặc một Quốc gia Thành viên có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát cung cấp, không chậm trễ, danh sách tất cả các nhà khai thác hoặc nhóm người khai thác trong chuỗi sản xuất hữu cơ mà lô hàng là một phần, và của các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát của họ.

3. Trường hợp cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát đã được công nhận theo Điều 46 của Quy định (EU) 2018/848, Điều 21 (2) và (3) của Quy chế được ủy quyền (EU) 2021/1698 sẽ được áp dụng.

Điều 11

Quy định chuyển tiếp đối với giấy chứng nhận kiểm định và trích lục giấy chứng nhận kiểm định

1. Bằng cách vi phạm Điều 5(3), khoản đầu tiên, cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, giấy chứng nhận kiểm định có thể được cấp trên giấy sau khi được hoàn thành trong TRACES và in. Giấy chứng nhận giấy đó phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- (a) tại ô 18 phải có chữ ký tay của người được ủy quyền của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát cấp giấy chứng nhận và con dấu chính thức;
- (b) Nó sẽ được phát hành trước khi lô hàng mà nó liên quan đến rời khỏi nước thứ ba xuất khẩu hoặc xuất xứ.

2. Bằng cách vi phạm Điều 6(3), cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, những điều sau đây sẽ được áp dụng:

- (a) trường hợp giấy chứng nhận kiểm tra được cấp trên giấy theo quy định tại khoản 1 Điều này thì giấy chứng nhận đó phải được chứng thực trên giấy có chữ ký bằng tay của người có thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền tại cửa khẩu hoặc tại điểm phát hành để lưu hành tự do, tại các ô 23, 25 và 30, khi thích hợp, sau khi được hoàn thành trong TRACES và in;
- (b) trong trường hợp giấy chứng nhận kiểm tra được cấp trong TRACES và có con dấu điện tử đủ điều kiện, theo Điều 5 (3), điểm đầu tiên, giấy chứng nhận đó có thể được chứng thực trên giấy với chữ ký tay của người được ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền tại trạm kiểm soát biên giới hoặc tại điểm phát hành để lưu hành tự do, trong các ô 23, 25 và 30, nếu thích hợp, sau khi được hoàn thành trong TRACES và in.

3. Cơ quan kiểm soát, cơ quan kiểm soát và cơ quan có thẩm quyền phải xác minh ở từng giai đoạn cấp và xác nhận giấy chứng nhận kiểm định, nếu phù hợp, thông tin trên giấy chứng nhận kiểm định tương ứng với thông tin trên giấy chứng nhận đã hoàn thành trong TRACES.

Trong trường hợp các thông tin liên quan đến số lượng kiện hàng nêu tại ô 13 của giấy chứng nhận kiểm định hoặc các thông tin tại ô 16 và 17 của giấy chứng nhận đó không được hoàn thành trên giấy chứng nhận kiểm định, hoặc trong trường hợp thông tin đó khác với thông tin đã hoàn thành trong giấy chứng nhận trong TRACES, các cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét cho mục đích xác minh lô hàng và chứng thực giấy chứng nhận, chỉ những thông tin được hoàn thành trong TRACES.

4. Giấy chứng nhận kiểm tra nêu tại khoản 1 phải được xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền tại trạm kiểm soát biên giới nhập cảnh vào Liên minh nơi lô hàng chịu sự kiểm soát chính thức hoặc cho cơ quan có thẩm quyền tại điểm giải phóng để lưu thông tự do, nếu thích hợp. Cơ quan có thẩm quyền đó sẽ trả lại giấy chứng nhận đó cho người nhập khẩu.

5. Bằng cách vi phạm Điều 6(6) và 7(4), cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, việc trích lục giấy chứng nhận kiểm định có thể được chứng thực trên giấy, sau khi được hoàn thành trong TRACES và in. Trích lục giấy chứng nhận phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- (a) tại ô 12 phải được chứng thực bằng giấy có chữ ký bằng tay của người được ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền;
- (b) Nó phải có chữ ký tay của người nhận hàng của lô hàng, ở ô 13.

Cơ quan có thẩm quyền nêu tại điểm (a) của điểm đầu tiên phải trả lại bản trích lục giấy chứng nhận đó cho người xuất trình.

Điều 12

Xóa

Quy định (EC) số 1235/2008 bị bãi bỏ.

Tuy nhiên, Quy định đó sẽ tiếp tục áp dụng cho mục đích hoàn thành và xác nhận các giấy chứng nhận kiểm tra đang chờ xử lý được cấp trước ngày 1 tháng 1 năm 2022 và chờ trích lục giấy chứng nhận kiểm tra do nhà nhập khẩu nộp trước ngày 1 tháng 1 năm 2022, cũng như cho mục đích khai báo của người nhận hàng đầu tiên hoặc người nhận hàng trong giấy chứng nhận kiểm tra hoặc trích lục giấy chứng nhận kiểm tra.

Điều 13

Hiệu lực và áp dụng

Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba sau khi được công bố trên *Tạp chí Chính thức của Liên minh Châu Âu*.

Chương trình áp dụng từ ngày 1/1/2022.

Quy định này sẽ ràng buộc toàn bộ và áp dụng trực tiếp ở tất cả các Quốc gia Thành viên.

Thực hiện tại Brussels, ngày 21 tháng 10 năm 2021.

Đối với Ủy ban

Tổng thống

Ursula VON DER LEYEN

⁽¹⁾ OJ L 150, 14.6.2018, tr. 1.

⁽²⁾ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ngày 28 tháng 6 năm 2007 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định (EEC) số 2092/91 [OJ L 189, 20.7.2007, trang 1].

⁽³⁾ Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 15 tháng 3 năm 2017 về kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác được thực hiện để đảm bảo áp dụng luật thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, các quy tắc về sức khỏe và phúc lợi động vật, sức khỏe thực vật và các sản phẩm bảo vệ thực vật, sửa đổi Quy định (EC) số 999/2001, (EC) số 396/2005, (EC) số 1069/2009, (EC) số 1107/2009, (EU) số 1151/2012, (EU) số 652/2014, (EU) 2016/429 và (EU) 2016/2031 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu, Quy định của Hội đồng (EC) số 1/2005 và (EC) số 1099/2009 và Chỉ thị của Hội đồng 98/58/EC, 1999/74/EC, 2007/43/EC, 2008/119/EC và 2008/120/EC, và bãi bỏ Quy định (EC) số 854/2004 và (EC) số 882/2004 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu, Chỉ thị của Hội đồng 89/608 / EEC, 89/662 / EEC, 90/425 / EEC, 91/496 / EEC, 96/23 / EC, 96/93 / EC và 97/78 / EC và Quyết định của Hội đồng 92/438 / EEC (Quy định kiểm soát chính thức) [OJ L 95, 7.4.2017, trang 1].

⁽⁴⁾ Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/2305 ngày 21 tháng 10 năm 2021 bổ sung Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu với các quy tắc về các trường hợp và điều kiện theo đó các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm đang chuyển đổi được miễn kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới, nơi kiểm soát chính thức đối với các sản phẩm đó và sửa đổi Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2019/2123 và (EU) số 2019/2124 (Xem trang 5 của điều này Tạp chí chính thức).

⁽⁵⁾ Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/1715 ngày 30 tháng 9 năm 2019 đặt ra các quy tắc cho hoạt động của hệ thống quản lý thông tin đối với các kiểm soát chính thức và các thành phần hệ thống của nó (Quy định IMSOC) [OJ L 261, 14.10.2019, trang 37].

⁽⁶⁾ Quy định của Ủy ban (EC) số 1235/2008 ngày 8 tháng 12 năm 2008 đặt ra các quy tắc chi tiết để thực hiện Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 liên quan đến việc sắp xếp nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ từ các nước thứ ba [OJ L 334, 12.12.2008, trang 25].

⁽⁷⁾ Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/2307 ngày 21 tháng 10 năm 2021 đặt ra các quy tắc về tài liệu và thông báo cần thiết cho các sản phẩm hữu cơ và chuyển đổi dự định nhập khẩu vào Liên minh ((Xem trang 30 của Tạp chí chính thức này).

⁽⁸⁾ Quy định (EU) số 910/2014 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 23 tháng 7 năm 2014 về dịch vụ nhận dạng và ủy thác điện tử cho các giao dịch điện tử trên thị trường nội bộ và bãi bỏ Chỉ thị 1999/93 / EC [OJ L 257, 28.8.2014, trang 73].

⁽⁹⁾ Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/1698 ngày 13 tháng 7 năm 2021 bổ sung Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu với các yêu cầu thủ tục để công nhận các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát có thẩm quyền thực hiện kiểm soát đối với các nhà khai thác được chứng nhận hữu cơ và các sản phẩm hữu cơ ở các nước thứ ba và với các quy tắc về giám sát của họ và các biện pháp kiểm soát và các hành động khác được thực hiện bởi các kiểm soát đó cơ quan chức năng và cơ quan kiểm soát ([OJ L 336, 23.9.2021, trang 7](#)).

⁽¹⁰⁾ Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2019/2123 ngày 10 tháng 10 năm 2019 bổ sung Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến các quy tắc đối với các trường hợp và điều kiện theo đó kiểm tra danh tính và kiểm tra thực tế đối với một số hàng hóa nhất định có thể được thực hiện tại các điểm kiểm soát và kiểm tra tài liệu có thể được thực hiện ở khoảng cách từ các trạm kiểm soát biên giới ([OJ L 321, 12.12.2019, tr. 64](#)).

⁽¹¹⁾ Quy định (EU) số 952/2013 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 9 tháng 10 năm 2013 quy định Bộ luật Hải quan Liên minh ([OJ L 269 10.10.2013, trang 1](#)).

⁽¹²⁾ Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/279 ngày 22 tháng 2 năm 2021 đặt ra các quy tắc chi tiết để thực hiện Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng về kiểm soát và các biện pháp khác đảm bảo truy xuất nguồn gốc và tuân thủ trong sản xuất hữu cơ và ghi nhận các sản phẩm hữu cơ ([OJ L 62, 23.2.2021, trang 6](#)).

ANNEX

PHẦN I

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA NHẬP KHẨU CÁC SẢN PHẨM HỮU CƠ VÀ CHUYỂN ĐỔI VÀO LIÊN MINH CHÂU ÂU

1. Ban hành quyền kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát		2. Thủ tục theo Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ⁽¹⁾ : ☐ Tuân thủ (Điều 46); ☐ Nước thứ ba tương đương (Điều 48); ☐ Cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát tương đương (Điều 57); hoặc ☐ Tương đương theo một hiệp định thương mại (Điều 47).				
3. Giấy chứng nhận số tham chiếu kiểm định		4. Nhà sản xuất hoặc bộ xử lý sản phẩm				
5. Xuất khẩu		6. Nhà điều hành mua hoặc bán sản phẩm mà không lưu trữ hoặc xử lý vật lý sản phẩm				
7. Cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát		8. Nước xuất xứ				
9. Nước xuất khẩu		10. Trạm kiểm soát biên giới / điểm phát hành để lưu thông tự do				
11. Quốc gia đến		12. Nhập khẩu				
13. Mô tả sản phẩm						
Không phải trả tiền hoặc đang chuyển đổi	Mã CN	Tên thương mại	Loại	Số lượng gói	Số lô	Trọng lượng tịnh
14. Số container	15. Số con dấu			16. Tổng trọng lượng		

Ngày:			
Tên và chữ ký của người được ủy quyền/con dấu điện tử đủ điều kiện			
26. chuyển từ chốt kiểm soát biên giới đến điểm kiểm soát:		27. Chi tiết về điểm kiểm soát	
☐ Có	☐ Không		
28. vận chuyển từ chốt kiểm soát biên giới đến điểm kiểm soát			
29. Kiểm tra danh tính và thể chất			
Kiểm tra danh tính			
☐ Đầy đủ;			
☐ Không đạt yêu cầu;			
Kiểm tra thực tế			
☐ Đầy đủ;			
☐ Không đạt yêu cầu;			
Xét nghiệm trong phòng thí nghiệm	☐ Có	☐ Không	
Kết quả kiểm tra	☐ Đầy đủ	☐ Không đạt yêu cầu	
30. Quyết định của cơ quan có thẩm quyền có liên quan			
☐ Được phát hành dưới dạng hữu cơ;			
☐ Được phát hành dưới dạng chuyển đổi;			
☐ Được phát hành dưới dạng không hữu cơ;			
☐ Lô hàng không thể được giải phóng để lưu thông tự do;			
☐ Một phần của lô hàng có thể được phát hành để lưu thông tự do.			
Thông tin bổ sung:			
Thẩm quyền tại trạm kiểm soát biên giới / điểm kiểm soát / điểm giải phóng để lưu thông tự do và Quốc gia thành viên:			
Ngày:			
Tên và chữ ký của người được ủy quyền/con dấu điện tử đủ điều kiện			
31. Tuyên bố của người nhận hàng đầu tiên			
Điều này là để xác nhận rằng tại lễ tân của các sản phẩm, bao bì hoặc hộp đựng và, nếu có liên quan, giấy chứng nhận kiểm tra là:			
☐ theo điểm 6 của Phụ lục III của Quy định (EU) 2018/848; hoặc			
☐ không phù hợp với điểm 6 của Phụ lục III của Quy định (EU) 2018/848.			
Tên, chữ ký của người được ủy quyền		Ngày:	

PHẦN II

NHỮNG LƯU Ý KHI HOÀN THIỆN MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Các hộp từ 1 đến 18 phải được hoàn thành bởi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát có liên quan ở nước thứ ba.

Ô 1: Tên, địa chỉ và mã của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 46 hoặc được đề cập tại Điều 57 của Quy định (EU) 2018/848 hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát được chỉ định bởi cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba được đề cập tại Điều 47 hoặc 48 của Quy định đó. Cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát này cũng hoàn thành các hộp từ 2 đến 18.

Hộp 2: Hộp này cho biết các quy định của Quy định (EU) 2018/848 có liên quan đến việc cấp và sử dụng chứng chỉ này; chỉ ra các điều khoản có liên quan.

Ô 3: Số chứng chỉ được chỉ định tự động bởi Hệ thống chuyên gia và kiểm soát thương mại điện tử (TRACES).

Ô 4: Tên và địa chỉ của (các) cơ sở sản xuất hoặc gia công sản phẩm tại nước thứ ba được đề cập trong ô 8.

Hộp 5: Tên và địa chỉ của đơn vị kinh doanh xuất khẩu sản phẩm từ quốc gia nêu tại ô 9. Nhà xuất khẩu là nhà điều hành thực hiện thao tác cuối cùng cho mục đích chuẩn bị như được định nghĩa tại Điều 3, điểm (44), của Quy định (EU) 2018/848 về các sản phẩm được đề cập trong hộp 13 và niêm phong sản phẩm trong bao bì hoặc thùng chứa thích hợp, theo điểm 6 của Phụ lục III của Quy định (EU) 2018/848.

Hộp 6: Nếu có, điền tên và địa chỉ của một hoặc nhiều nhà khai thác mua hoặc bán sản phẩm mà không lưu trữ hoặc xử lý thực tế sản phẩm.

Ô 7: Tên và địa chỉ của (các) cơ quan kiểm soát hoặc (các) cơ quan có thẩm quyền giám sát việc tuân thủ sản xuất hoặc chế biến sản phẩm với các quy tắc sản xuất hữu cơ tại quốc gia nêu tại ô 8.

Ô 8: Nước xuất xứ là (các) quốc gia nơi sản phẩm/trồng trọt hoặc chế biến.

Hộp 9: Nước xuất khẩu là quốc gia nơi sản phẩm đã được thực hiện lần hoạt động cuối cùng cho mục đích chuẩn bị như được định nghĩa tại Điều 3, điểm (44), của Quy định (EU) 2018/848 và được niêm phong trong bao bì hoặc thùng chứa thích hợp.

Hộp 10: Trong trường hợp các lô hàng chịu sự kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới theo Điều 45 (5) của Quy định (EU) số 2018/848, hãy ghi rõ tên và mã chữ và số duy nhất được TRACES gán cho trạm kiểm soát biên giới lần đầu tiên đến Liên minh, tại đó các biện pháp kiểm soát chính thức được thực hiện theo Điều 6 (1) của Quy định ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/2306 ⁽⁴⁾.

Trong trường hợp các lô hàng được miễn kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới theo Điều 3 của Quy định ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/2305 ⁽⁵⁾, hãy cho biết tên và mã chữ và số duy nhất do TRACES gán cho điểm phát hành để lưu thông tự do vào Liên minh Châu Âu, nếu thích hợp, nơi các biện pháp kiểm soát chính thức được thực hiện theo Điều 6 (1) của Quy định ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/2306.

Thông tin trong hộp này có thể được cập nhật bởi nhà nhập khẩu hoặc đại diện của họ trước khi lô hàng đến trạm kiểm soát biên giới hoặc tại điểm giải phóng để lưu thông tự do, nếu thích hợp.

Ô 11: Quốc gia đến có nghĩa là quốc gia của người nhận hàng đầu tiên trong Liên minh Châu Âu.

Hộp 12: Tên, địa chỉ và số Đăng ký và Nhận dạng Nhà khai thác Kinh tế (EORI), như được định nghĩa trong Điều 1, điểm (18), của Quy định Ủy ban Ủy quyền (EU) 2015/2446 ⁽⁶⁾, của nhà nhập khẩu, như được định nghĩa tại Điều 2, điểm (1), của Quy định Thực hiện Ủy ban (EU) 2021/2307 ⁽⁷⁾, người tự xuất trình lô hàng để phát hành để lưu thông tự do, hoặc thông qua một đại diện.

Hộp 13: Mô tả sản phẩm, bao gồm:

- chỉ dẫn liệu các sản phẩm là hữu cơ hay đang chuyển đổi;
- mã Danh pháp kết hợp (CN) như được đề cập trong Quy định của Hội đồng (EEC) số 2658/87 ⁽⁸⁾ cho các sản phẩm liên quan (mức 8 chữ số nếu có thể);
- tên thương mại;
- danh mục sản phẩm theo Phụ lục II của Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/1378 ⁽⁹⁾;
- số lượng gói (số hộp, thùng carton, túi, xô, v.v.);
- số lô; và
- trọng lượng tịnh.

Hộp 14: Số container: tùy chọn.

Ô 15: Số con dấu: tùy chọn.

Hộp 16: Tổng trọng lượng được biểu thị bằng đơn vị thích hợp (kg, lít, v.v.).

Hộp 17: Phương tiện vận tải sử dụng từ nước xuất xứ cho đến khi sản phẩm đến cửa khẩu hoặc điểm giải phóng lưu thông tự do để xác minh lô hàng và xác nhận giấy chứng nhận kiểm tra.

Phương thức vận tải: máy bay, tàu, đường sắt, phương tiện giao thông đường bộ, khác.

Xác định phương tiện vận tải: đối với tàu bay, số hiệu chuyến bay, đối với tàu thuyền, tên tàu, đối với đường sắt, số tàu và số toa xe, đối với vận tải đường bộ, biển số đăng ký có biển số rõ móc nếu phù hợp.

Trong trường hợp phà, chỉ ra tàu thuyền và phương tiện giao thông đường bộ có nhận dạng phương tiện giao thông đường bộ và phà theo lịch trình.

Ô 18: Tờ khai của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát cấp giấy chứng nhận. Chọn Quy chế Ủy quyền Ủy ban thích hợp. Chữ ký tay của người được ủy quyền và con dấu chỉ được yêu cầu trong trường hợp giấy chứng nhận kiểm định được cấp trên giấy cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Điều 11 (1) của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306

Hộp 19: Tên, địa chỉ và số EORI, như được định nghĩa trong Điều 1, điểm (18), của Quy định được ủy quyền (EU) 2015/2446, của nhà điều hành chịu trách nhiệm về lô hàng, như được định nghĩa trong Điều 2, điểm (2), của Quy định thực hiện (EU) 2021/2307. Hộp thư đến 12 của nhà nhập khẩu phải hoàn thành, nếu nhà điều hành chịu trách nhiệm về lô hàng khác với nhà nhập khẩu đó.

Hộp 20: Trường hợp lô hàng dự định đưa vào thị trường Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm chuyển đổi chịu sự kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới theo Điều 45(5) của Quy định (EU) 2018/848, ghi rõ ngày và giờ đến dự kiến tại chốt kiểm soát biên giới.

Trong trường hợp lô hàng được miễn kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới theo Quy định ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/2305, hãy ghi rõ ngày và giờ đến dự kiến tại thời điểm phát hành để lưu thông tự do theo Quy định đó.

Hộp 21: Được hoàn thành bởi nhà nhập khẩu, hoặc khi thích hợp người vận hành chịu trách nhiệm về lô hàng, yêu cầu chuyển sản phẩm đến một điểm kiểm soát trong Liên minh để kiểm soát chính thức hơn nữa, nếu lô hàng được lựa chọn để kiểm tra danh tính và thực tế bởi các cơ quan có thẩm quyền tại trạm kiểm soát biên giới. Hộp này chỉ áp dụng cho các sản phẩm chịu sự kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới theo Điều 45 (5) của Quy định (EU) 2018/848.

Hộp 22: Cho biết tên của điểm kiểm soát tại Quốc gia Thành viên nơi các sản phẩm sẽ được chuyển đến để kiểm tra nhận dạng và kiểm tra thực tế nếu lô hàng được các cơ quan có thẩm quyền tại trạm kiểm soát biên giới lựa chọn để kiểm tra đó. Được hoàn thành bởi nhà nhập khẩu hoặc, khi thích hợp, bởi nhà điều hành chịu trách nhiệm về lô hàng. Hộp này chỉ áp dụng cho các sản phẩm chịu sự kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới theo Điều 45 (5) của Quy định (EU) 2018/848.

Hộp 23: Hộp này phải được hoàn thành bởi cơ quan có thẩm quyền có liên quan và nhà nhập khẩu.

Trường hợp sản phẩm phải kiểm soát chính thức tại chốt kiểm soát biên giới thì phải được cơ quan có thẩm quyền tại cửa khẩu hoàn thành.

Cần có chữ ký tay của người được ủy quyền trong trường hợp giấy chứng nhận kiểm tra được xác nhận trên giấy cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Điều 11 (2) của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306.

Ô 24: Tên và địa chỉ của người nhận hàng đầu tiên tại Liên minh Châu Âu. Hộp này phải được hoàn thành bởi nhà nhập khẩu.

Hộp 25: Hộp này phải được cơ quan có thẩm quyền hoàn thành sau khi thực hiện kiểm tra chứng từ theo Điều 6 Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306. Trường hợp kiểm tra chứng từ không đạt yêu cầu thì phải hoàn thành ô 30.

Cơ quan đó phải cho biết liệu lô hàng có được chọn để kiểm tra danh tính và thực tế hay không.

Chữ ký của người được ủy quyền / con dấu điện tử đủ điều kiện chỉ được yêu cầu nếu cơ quan có thẩm quyền khác với cơ quan được chỉ định trong ô 30. Chữ ký tay của người được ủy quyền chỉ được yêu cầu trong trường hợp giấy chứng nhận kiểm tra được xác nhận trên giấy cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Điều 11 (2) của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306.

Ô 26: Được cơ quan có thẩm quyền tại trạm kiểm soát biên giới hoàn thành nếu lô hàng được chọn để kiểm tra nhân thân và thực tế và nếu lô hàng được chấp nhận để chuyển đến điểm kiểm soát để kiểm soát chính thức tiếp theo. Hộp này chỉ áp dụng cho các sản phẩm chịu sự kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới theo Điều 45 (5) của Quy định (EU) 2018/848.

Hộp 27: Trong trường hợp chuyển đến một điểm kiểm soát, hãy ghi rõ tên của điểm kiểm soát tại Quốc gia Thành viên mà hàng hóa được yêu cầu chuyển đến để kiểm tra danh tính và thực tế, chi tiết liên lạc của nó và mã chữ và số duy nhất do TRACES gán cho điểm kiểm soát. Được cơ quan có thẩm quyền tại chốt kiểm soát biên giới hoàn thành. Hộp này chỉ

áp dụng cho các sản phẩm chịu sự kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới theo Điều 45 (5) của Quy định (EU) 2018/848.

Hộp 28: Vui lòng xem hướng dẫn về ô 17. Hộp này phải được điền trong trường hợp lô hàng được chuyển đến điểm kiểm soát để kiểm tra danh tính và thực tế.

Hộp 29: Hộp này phải được hoàn thành bởi cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp sản phẩm được lựa chọn để kiểm tra danh tính và thực tế.

Hộp 30: Hộp này phải được cơ quan có thẩm quyền hoàn thành, sau khi chuẩn bị tại Điều 7 (1) của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306, nếu có, và trong mọi trường hợp sau khi xác minh lô hàng theo Điều 6 (1) và (2) của Quy định đó.

Cơ quan có thẩm quyền phải chọn tùy chọn thích hợp bổ sung, nếu cần, bất kỳ thông tin bổ sung nào được coi là có liên quan. Cụ thể, nếu tùy chọn "Lô hàng không thể được phát hành để lưu thông tự do" hoặc "Một phần của lô hàng có thể được giải phóng để lưu thông tự do" đã được chọn, thông tin liên quan phải được cung cấp trong "thông tin bổ sung".

Trường hợp sản phẩm phải kiểm soát chính thức tại chốt kiểm soát biên giới thì phải được cơ quan có thẩm quyền tại cửa khẩu hoàn thành. Trong trường hợp lô hàng được chuyển đến một điểm kiểm soát để kiểm tra danh tính và thực tế nêu tại Điều 6 của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306, hộp này phải được cơ quan có thẩm quyền hoàn thành tại điểm kiểm soát đó.

Trong phần "thẩm quyền tại trạm kiểm soát biên giới / điểm kiểm soát / điểm giải phóng để lưu thông tự do", hãy điền tên của cơ quan liên quan, nếu thích hợp.

Chữ ký tay của người được ủy quyền chỉ được yêu cầu trong trường hợp giấy chứng nhận kiểm tra được xác nhận trên giấy cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Điều 11 (2) của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306.

Hộp 31: Hộp này phải được hoàn thành bởi người nhận hàng đầu tiên khi nhận sản phẩm sau khi phát hành để lưu thông tự do bằng cách chọn một tùy chọn sau khi thực hiện kiểm tra quy định tại điểm 6 của Phụ lục III của Quy định (EU) 2018/848.

Cần có chữ ký tay của người nhận hàng đầu tiên đối với giấy chứng nhận kiểm tra được xác nhận trên giấy cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Điều 11 (2) của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306.

(1) Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 30 tháng 5 năm 2018 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ([OJ L 150, 14.6.2018, trang 1](#)).

(2) Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/1698 ngày 13 tháng 7 năm 2021 bổ sung Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu với các yêu cầu thủ tục để công nhận các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát có thẩm quyền thực hiện kiểm soát đối với các nhà khai thác được chứng nhận hữu cơ và các sản phẩm hữu cơ ở các nước thứ ba và với các quy tắc về giám sát của họ và các biện pháp kiểm soát và các hành động khác được thực hiện bởi các kiểm soát đó cơ quan chức năng và cơ quan kiểm soát ([OJ L 336, 23.9.2021, trang 7](#)).

(3) Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/1342 ngày 27 tháng 5 năm 2021 bổ sung Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu với các quy tắc về thông tin được gửi bởi các nước thứ ba và bởi các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát nhằm mục đích giám sát việc công nhận của họ theo Điều 33 (2) và (3) của Quy định Hội đồng (EC) số 834/2007 đối với các sản phẩm hữu cơ nhập khẩu và các biện pháp được thực hiện trong việc thực hiện điều đó giám sát ([OJ L 292, 16.8.2021, tr. 20](#)).

(4) Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) số 2021/2306 ngày 21 tháng 10 năm 2021 bổ sung Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu với các quy tắc về kiểm soát chính thức đối với các lô hàng sản

phẩm hữu cơ và các sản phẩm đang chuyển đổi dự định nhập khẩu vào Liên minh và trên giấy chứng nhận kiểm tra ([OJ L 461, 27.12.2021, trang 13](#)).

(⁵) Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/2305 ngày 21 tháng 10 năm 2021 bổ sung Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu với các quy tắc về các trường hợp và điều kiện theo đó các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm đang chuyển đổi được miễn kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới, nơi kiểm soát chính thức đối với các sản phẩm đó và sửa đổi Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2019/2123 và (EU) số 2019/2124 ([OJ L 461, ngày 27.12.2021, trang 5](#)).

(⁶) Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2015/2446 ngày 28 tháng 7 năm 2015 bổ sung Quy định (EU) số 952/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến các quy tắc chi tiết liên quan đến các quy định nhất định của Bộ luật Hải quan Liên minh ([OJ L 343, 29.12.2015, trang 1](#)).

(⁷) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/2307 ngày 21 tháng 10 năm 2021 đặt ra các quy tắc về tài liệu và thông báo cần thiết cho các sản phẩm hữu cơ và chuyển đổi dự định nhập khẩu vào Liên minh ([OJ L 461, 27.12.2021, trang 30](#)).

(⁸) Quy định của Hội đồng (EEC) số 2658/87 ngày 23 tháng 7 năm 1987 về thuế quan và danh pháp thống kê và về Biểu thuế hải quan chung ([OJ L 256, 7.9.1987, trang 1](#)).

(⁹) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/1378 đặt ra các quy tắc nhất định liên quan đến giấy chứng nhận được cấp cho các nhà khai thác, nhóm nhà khai thác và xuất khẩu ở các nước thứ ba liên quan đến việc nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ và chuyển đổi vào Liên minh và thiết lập danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận theo Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ([OJ L 297, 20.8.2021, tr. 24](#)).